



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Writing 1 - 1105022

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110502201

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Thái Yên Hà - (05002)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	KTTX1	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710130013	Phạm Thị Kim Bình	03/09/1999		5.0	Năm không	C19TA	
2	1710130014	Huỳnh Mỹ Hạnh	05/10/1999		3.3	Ba ba	C19TA	
3	1710130001	Huỳnh Trung Hiếu	04/02/1998		0.0		C19TA	
4	1710130012	Nguyễn Văn Hợp	24/02/1999		5.0	Năm không	C19TA	
5	1710130020	Nguyễn Như Huỳnh	05/12/1998		6.0	Sáu không	C19TA	
6	1710130016	Nguyễn Hoàng Ly	12/01/1994		7.0	Bảy không	C19TA	
7	1710130002	Phạm Ngọc Mai	09/08/1996		4.0	Bốn không	C19TA	
8	1710130005	Nguyễn Bảo My	22/10/1997		5.5	Năm năm	C19TA	
9	1710130028	Võ Thị Thanh Mỹ	07/01/1999		5.5	Năm năm	C19TA	
10	1710130017	Nguyễn Hồng Mỹ	29/04/1999		4.4	Bốn bốn	C19TA	
11	1710130021	Trương Thị Thúy Ngọc	11/11/1999		2.8	Hai tám	C19TA	
12	1710130022	Võ Thiên Nhi	13/06/1998		7.5	Bảy năm	C19TA	
13	1710130031	Hồ Thị Thanh Thảo	23/11/1996		3.8	Ba tám	C19TA	
14	1710130030	Phan Thu Trang	01/07/1995		8.4	Tám bốn	C19TA	
15	1710130011	Trịnh Như Trung	14/04/1999		0.9	Không chín	C19TA	
16	1710130003	Đặng Thanh Trúc	21/04/1999		5.0	Năm không	C19TA	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 01 . Số bài thi: 15 / 16 .Số sinh viên đạt/không đạt: 11 / 4Tỷ lệ đạt: 80 %Ngày: 23 tháng 7 năm 2018

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Đan

Ngày: 10 tháng 7 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thái Yên Hà



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Writing 1 - 1105022

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110502201

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Thái Yên Hà - (05002)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Bình	Ngày sinh	Chữ ký	KTTX2	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710130013	Phạm Thị Kim	Bình	03/09/1999		8.8	Tám tám	C19TA	
2	1710130014	Huỳnh Mỹ	Hạnh	05/10/1999		6.6	Sáu sáu	C19TA	
3	1710130001	Huỳnh Trung	Hiếu	04/02/1998		8.5	Tám năm	C19TA	
4	1710130012	Nguyễn Văn	Hợp	24/02/1999		6.6	Sáu sáu	C19TA	
5	1710130020	Nguyễn Như	Huỳnh	05/12/1998		5.8	Năm tám	C19TA	
6	1710130016	Nguyễn Hoàng Ly	Ly	12/01/1994		8.9	Tám chín	C19TA	
7	1710130002	Phạm Ngọc	Mai	09/08/1996		4.3	Bốn ba	C19TA	
8	1710130005	Nguyễn Bảo	My	22/10/1997		7.7	Bảy bảy	C19TA	
9	1710130028	Võ Thị Thanh	Mỹ	07/01/1999		7.3	Bảy ba	C19TA	
10	1710130017	Nguyễn Hồng	My	29/04/1999		7.3	Bảy ba	C19TA	
11	1710130021	Trương Thị Thủy	Ngọc	11/11/1999		6.4	Sáu bốn	C19TA	
12	1710130022	Võ Thiên	Nhi	13/06/1998		9.8	Chín tám	C19TA	
13	1710130031	Hồ Thị Thanh	Thảo	23/11/1996		6.5	Sáu năm	C19TA	
14	1710130030	Phan Thu	Trang	01/07/1995		10	Mười	C19TA	
15	1710130011	Trịnh Như	Trung	14/04/1999		4.5	Bốn năm	C19TA	
16	1710130003	Đặng Thanh	Trúc	21/04/1999		6.3	Sáu ba	C19TA	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 0 . Số bài thi: 16 / 16 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 16 / 0 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 23 tháng 7 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 7 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Thái Yên Hà



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Writing 1 - 1105022

Mã lớp học phần: 110502201

Giảng viên giảng dạy: Thái Yên Hà

Ngày thi: 24/07/2018

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Đ. Thanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: H. Nhung Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Bình	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710130013	Phạm Thị Kim	Bình	03/09/1999	<u>[Signature]</u>		3.7	Ba bảy	C19TA	
2	1710130014	Huỳnh Mỹ	Hạnh	05/10/1999	<u>[Signature]</u>		2.5	Hai năm	C19TA	
3	1710130001	Huỳnh Trung	Hiếu	04/02/1998					C19TA	Nợ HP
4	1710130012	Nguyễn Văn	Hợp	24/02/1999	<u>[Signature]</u>		3.1	Ba một	C19TA	
5	1710130020	Nguyễn Như	Huỳnh	05/12/1998	<u>[Signature]</u>		1.6	Một sáu	C19TA	
6	1710130016	Nguyễn Hoàng Ly	Ly	12/01/1994	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu không	C19TA	
7	1710130005	Nguyễn Bảo	Mỹ	22/10/1997	<u>[Signature]</u>		5.8	Năm tám	C19TA	
8	1710130028	Võ Thị Thanh	Mỹ	07/01/1999	<u>[Signature]</u>		5.7	Năm bảy	C19TA	
9	1710130017	Nguyễn Hồng	Mỹ	29/04/1999	<u>[Signature]</u>		2.2	Hai hai	C19TA	
10	1710130021	Trương Thị Thúy	Ngọc	11/11/1999	<u>[Signature]</u>		2.0	Hai không	C19TA	
11	1710130022	Võ Thiên	Nhi	13/06/1998	<u>[Signature]</u>		5.7	Năm bảy	C19TA	
12	1710130031	Hồ Thị Thanh	Thảo	23/11/1996	<u>[Signature]</u>		4.6	Bốn sáu	C19TA	
13	1710130030	Phan Thu	Trang	01/07/1995	<u>[Signature]</u>		6.3	Sáu ba	C19TA	
14	1710130003	Đặng Thanh	Trúc	21/04/1999	<u>[Signature]</u>		4.6	Bốn sáu	C19TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 13 vắng thi: 01 . Số bài thi/Số tờ: 13 / 13 .

Số sinh viên đạt: 7 Tỷ lệ đạt: 54 %

Ngày 16 tháng 8 năm 2018

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Nguyễn Lê Phước Oanh

Ngày 1 tháng 8 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Thái Yên Hà

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Writing 1 - 1105022

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110502201

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Thái Yên Hà - (05002)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610130034	Nguyễn Huỳnh Ngọc Anh	11/05/1998	<i>Ne</i>	8.1	Tám một	C18TA	
2	1510130059	Nguyễn Thị Vân Anh	19/4/1995		3.4	Ba bốn	C17TA	
3	1310130013	Nguyễn Hoàng Chương	15/06/1994	<i>Shua</i>	5.3	Năm ba	C16TA	
4	1310130050	Huỳnh Thị Thùy Dương	29/09/1995	<i>Wduo</i>	5.7	Năm bảy	C15TA1	
5	1410130034	Phan Thị Quỳnh Giao	07/9/1996	<i>ghu</i>	6.0	Sáu không	C16TA	
6	1610130033	Cao Thị Thúy Hằng	06/03/1998	<i>Hao</i>	4.3	Bốn ba	C18TA	
7	1610130068	Đặng Thị Thảo Hiền	20/12/1998	<i>H</i>	4.7	Bốn bảy	C18TA	
8	1510130009	Trần Thị Thu Hồng	12/11/1995	<i>Thuha</i>	4.1	Bốn một	C17TA	
9	1310130081	Lê Thị Ngọc Huyền	30/10/1995				C15TA1	
10	1610130052	Đặng Đại Lộc	19/6/1998	<i>Sailor</i>	5.7	Năm bảy	C18TA	
11	1610130035	Lợi Thị Ngọc Mai	16/11/1998	<i>mai</i>	6.2	Sáu hai	C18TA	
12	1510130021	Nguyễn Thị Thúy Nguyên	18/4/1997	<i>Thu</i>	6.6	Sáu sáu	C17TA	
13	1610130049	Nguyễn Thị Thùy Như	26/09/1998	<i>Thuy</i>	6.9	Sáu chín	C18TA	
14	1510130017	Phạm Minh Nhựt	07/4/1997	<i>Minh</i>	7.6	Bảy sáu	C17TA	
15	1610130044	Huỳnh Thị Kiều Oanh	19/04/1998	<i>O</i>	5.9	Năm chín	C18TA	
16	1510130034	Nguyễn Thị Kim Phụng	16/10/1997		5.2	Năm hai	C17TA	
17	1510130006	Phan Tôn Lê Quyền	05/12/1997	<i>Quy</i>	5.1	Năm một	C17TA	
18	1410130014	Nguyễn Thị Phương Thanh	04/06/1996	<i>Phu</i>	6.0	Sáu không	C16TA	
19	1410130031	Trần Huỳnh Thi	25/05/1994	<i>Th</i>	4.2	Bốn hai	C16TA	
20	1410130028	Châu Nhựt Thịnh	13/09/1995	<i>Nh</i>	4.1	Bốn một	C16TA	
21	1610130043	Lê Thị Thanh Thúy	05/10/1998	<i>Thuy</i>	6.0	Sáu không	C18TA	
22	1510130004	Trần Thị Minh Thư	18/3/1997	<i>Th</i>	5.7	Năm bảy	C17TA	
23	1610130064	Nguyễn Kim Tiên	18/11/1998				C18TA	
24	1410130030	Phan Thị Cẩm Tiên	19/9/1996	<i>Phu</i>	7.4	Bảy bốn	C16TA	
25	1610130071	Phan Ngọc Đoàn Trinh	07/06/1997	<i>Trinh</i>	7.7	Bảy bảy	C18TA	
26	1410130040	Nguyễn Diễm Trúc	15/08/1996	<i>Tr</i>	6.1	Sáu một	C16TA	
27	1510130013	Đinh Khả Tú	24/2/1996	<i>Kh</i>	6.4	Sáu bốn	C17TA	
28	1610130046	Trương Hạnh Túc	06/07/1998	<i>guc</i>	5.8	Năm tám	C18TA	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 2 Số bài thi: 26 / 26

Số sinh viên đạt/không đạt: 25 / 1

Tỷ lệ đạt: 96 %

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Writing 1 - 11050221

Mã lớp học phần: 110502201

Giảng viên giảng dạy:

Ngày thi: 24/07/2018

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1:

Đ. Thảo

Ký tên:

Th

Giám thị 2:

H. Nhung

Ký tên:

NH

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610130034	Nguyễn Huỳnh Ngọc Anh	11/05/1998			5.6	Năm sáu	C18TA	
2	1510130059	Nguyễn Thị Vân Anh	19/4/1995			1.6	Một sáu	C17TA	298410 (-50%)
3	1310130013	Nguyễn Hoàng Chương	15/06/1994			4.2	Bốn hai	C16TA	
4	1310130050	Huỳnh Thị Thùy Dương	29/09/1995			3.2	Ba hai	C15TA1	298413
5	1410130034	Phan Thị Quỳnh Giao	07/9/1996			2.8	Hai tám	C16TA	298362
6	1610130033	Cao Thị Thúy Hằng	06/03/1998			2.1	Hai một	C18TA	
7	1610130068	Đặng Thị Thảo Hiền	20/12/1998			2.1	Hai một	C18TA	
8	1510130009	Trần Thị Thu Hồng	12/11/1995			4.7	Bốn bảy	C17TA	
9	1310130081	Lê Thị Ngọc Huyền	30/10/1995					C15TA1	Nợ HP
10	1610130059	Đặng Thị Lộc	19/6/1998			4.0	Bốn không	C18TA	
11	1610130035	Lợi Thị Ngọc Mai	16/11/1998			2.6	Hai sáu	C18TA	
12	1610130021	Nguyễn Thị Thúy Nguyên	18/4/1997			2.2	Hai hai	C17TA	298418
13	1610130049	Nguyễn Thị Thùy Như	26/09/1998			4.3	Bốn ba	C18TA	298612 R
14	1510130017	Phạm Minh Nhật	07/4/1997			5.8	Năm tám	C17TA	
15	1610130044	Huỳnh Thị Kiều Oanh	19/04/1998			3.7	Ba bảy	C18TA	
16	1510130034	Nguyễn Thị Kim Phụng	16/10/1997			1.7	Một bảy	C17TA	
17	1510130006	Phan Tôn Lê Quyền	05/12/1997			1.8	Một tám	C17TA	
18	1410130014	Nguyễn Thị Phương Thanh	04/06/1996			5.7	Năm bảy	C16TA	298388
19	1410130031	Trần Huỳnh Thi	25/05/1994			2.4	Hai bốn	C16TA	298401
20	1410130028	Châu Nhụy Thịnh	13/09/1995			1.6	Một sáu	C16TA	298413
21	1610130043	Lê Thị Thanh Thúy	05/10/1998			2.1	Hai một	C18TA	
22	1510130004	Trần Thị Minh Thư	18/3/1997			2.5	Hai năm	C17TA	29838 R
23	1610130064	Nguyễn Kim Tiên	18/11/1998					C18TA	Nợ HP
24	1410130030	Phan Thị Cẩm Tiên	19/9/1996			2.6	Hai sáu	C16TA	
25	1610130071	Phan Ngọc Đoàn Trinh	07/06/1997			6.7	Sáu bảy	C18TA	298914 R
26	1410130040	Nguyễn Diễm Trúc	15/08/1996			5.7	Năm bảy	C16TA	
27	1510130013	Đinh Kha Tú	24/2/1996			1.3	Một ba	C17TA	(-50%)
28	1610130046	Trương Hạnh Túc	06/07/1998			3.3	Ba ba	C18TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 02 . Số bài thi/Số tờ: 26 / 26 .

Số sinh viên đạt: 09 Tỷ lệ đạt: 35 %